

Bản án số: **39/2018/HNGĐ-ST**
Ngày: 27-9-2018
V/v Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Hoa
2. Ông Nguyễn Hữu Cương

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2018/TLST-HNGĐ ngày 04-6-2018 về tranh chấp “Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2018/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Y**, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: KP1, TTT 11, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Số điện thoại 088.....

2. *Bị đơn:* Ông **Ngô Minh H**, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: KP1, TTT 11, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Số điện thoại 0129.....

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 17/01/2018 và biên bản hòa giải ngày 14/8/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y trình*

bày:

Bà và ông Ngô Minh H chung sống với nhau từ năm 1996 đến nay không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống thật sự hạnh phúc được khoảng hơn 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên cãi nhau dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể khắc phục được nên đã ly thân nhau từ ngày 05/9/2017 âm lịch đến nay.

Về quan hệ nuôi con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 đứa con chung tên Ngô Chí C, sinh ngày 22/9/1997, hiện con đã trưởng thành và tự lao động sinh sống được.

Về quan hệ tài sản chung: Xác định vợ chồng không tranh chấp.

Về quan hệ nợ chung: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với ông Ngô Minh H;
2. Về quan hệ nuôi con chung: Hiện con đã lớn và trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;
3. Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;
4. Về quan hệ nợ chung: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại tờ tường trình ngày 01/7/2018 và biên bản hòa giải ngày 14/8/2018 và trong quá trình xét xử bị đơn ông Ngô Minh H trình bày: Về thời gian ông và bà Y chung sống với nhau năm 1996 đến nay không đăng ký kết hôn; vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và đã ly thân nhau từ ngày 05/9/2017 âm lịch đến nay; vợ chồng có 01 con chung, họ tên, ngày tháng năm sinh của con; về tài sản chung của vợ chồng; về nợ chung là đúng như ý kiến của bà Y trình bày nêu trên tôi không trình bày gì thêm.*

Nay theo yêu cầu của bà Y, tôi có ý kiến như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Y;
2. Về quan hệ nuôi con chung: Hiện con đã lớn trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

3. Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

4. Về quan hệ nợ chung: Vợ chồng không nợ chung gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu như trên.

- Bị đơn ông Ngô Minh H vắng mặt tại phiên tòa lần hai, không lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt triệu tập hợp lệ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi hòa giải không thành, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cũng như giấy triệu tập cho bị đơn ông Ngô Minh H, nhưng ông H vắng mặt không có lý do, nên HĐXX phải hoãn phiên tòa và đã tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập cho ông H, nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do. Đồng thời, tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Y và ông Ngô Minh H chung sống với nhau từ năm 1996, nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền (UBND TT). Như vậy là vi phạm quy định về đăng ký kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986. Đến khi có Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 (có hiệu lực ngày 01-01-2001), các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã có nhiều văn bản quy định, hướng dẫn việc đăng ký kết hôn đối với những trường hợp như ông, bà trong thời gian hai năm (*từ ngày 01-01-2001 đến ngày 01-01-2003*) nhưng ông, bà vẫn không thực hiện. Cho đến khi có Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (có hiệu lực ngày 01-01-2015) và thực tế từ khi có đơn yêu cầu xin ly hôn của bà Y và cho đến nay ông, bà vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, nay bà Y có yêu cầu ly hôn, thì theo quy định tại khoản 1

Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án sẽ quyết định bằng bản án tuyên bố không công nhận hai người là vợ chồng.

- Về quan hệ nuôi con chung: Tại phiên hòa giải, giữa bà Nguyễn Thị Y và ông Ngô Minh H đã cùng nhau thống nhất xác định, vợ chồng có 01 đứa con chung tên Ngô Chí C, sinh ngày 22/9/1997 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được không yêu cầu gì và cho đến tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Y vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày, còn bị đơn ông H cũng không thể hiện ý kiến kiến gì thay đổi lời đã trình bày trước đây, do đó HĐXX không xem xét.

- Về quan hệ tài sản chung: Khi gửi đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị Y xác định vợ chồng có tài sản chung và yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Vợ chồng có tài sản chung là 01 căn nhà ngang 04 x dài 16 mét, lợp tol, nền gạch, dưng tol ở khu chung cư tọa lạc tại KP 1, TTT 11, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang; 50 chỉ vàng 24k và 09 chỉ vàng 18k, hiện ông H đang quản lý. Khi ly hôn, yêu cầu chia đôi: Mỗi người 25 chỉ vàng 24k, còn 09 chỉ vàng 18k yêu cầu ông H pH giao trả lại cho bà; đối với căn nhà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đến tại phiên hòa giải ngày 14/8/2018, nguyên đơn bà Y và bị đơn ông H đã cùng nhau thống nhất xác định, vợ chồng không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và bà Y đã có đơn xin rút phần yêu cầu khởi kiện chia tài sản đối với bị đơn ông H theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn ông H không có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn bà Y. Việc nguyên đơn bà Y rút phần yêu cầu khởi kiện chia tài sản đối với bị đơn ông H là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định pháp luật và đạo đức xã hội, nên cần đình chỉ giải quyết phần yêu cầu khởi kiện chia tài sản của nguyên đơn bà Y đối với bị đơn ông H.

- Về quan hệ nợ chung: Giữa nguyên đơn bà Y và bị đơn ông H cùng thống nhất xác định, vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y có đơn yêu cầu xin ly hôn nên bà Y phải chịu **300.000** đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn; Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Y số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp đối với yêu cầu phân chia tài sản chung của vợ chồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218, điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1 - Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Y và ông Ngô Minh H.

2 - Về quan hệ nuôi con chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

3 - Về quan hệ tài sản chung: Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện chia tài sản của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y đối với bị đơn ông Ngô Minh H.

4 - Về quan hệ nợ chung: Không xem xét.

5 - Về án phí: Bà Nguyễn Thị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là **300.000** đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.920.000 đồng theo biên lai số 0008753 ngày 28 tháng 5 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh; bà Y được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là **2.620.000** đồng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/9/2018), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh KG;
- VKS huyện, tỉnh;
- Các Đ/s;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu (HSVA, VPTA).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mỹ Linh